

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH SỞ

QUYỂN 24

PHẨM 23: SƯ TỬ HỒNG (PHẦN 1- CUỐI)

Từ lại nữa, này thiện nam, v.v... trở xuống: Thập trụ cũng thấy được chút phần, đây cũng là nghĩa Viên giáo. Nếu nói Thập trụ chẳng phải Thập địa, mà lại nói chín trụ dưới chẳng thấy, trụ thứ mười thấy chút phần thì đây là nghĩa Biệt tiếp Thông, mọi người chẳng biết điều này nên chẳng thông được văn nghĩa.

Từ câu: “Vì nghĩa này v.v...” trở xuống là ý thức thứ ba, kết luận sự sâu xa.

Đây là nói năm Phật tánh; mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh tức là kết luận nhân tánh, Đệ nhất nghĩa Không là kết luận nhân nhân tánh, Trung đạo là kết luận chánh nhân tánh, Phật là kết luận quả tánh, Niết-bàn là kết luận quả quả tánh. Văn nghĩa đầy đủ, lời kết này rất sâu xa mâu nhiệm.

Từ câu: “Bấy giờ, Bồ-tát v.v...” trở xuống là thứ hai, nói về nghĩa.

Nghĩa này phát khởi từ câu kết luận ở trên. Hành nghiệp của chúng sinh rất sâu xa, nếu chúng sinh và Phật bình đẳng không hai, thì đâu cần phải tu đạo? Đầu tiên dường như chỉ một câu hỏi, mà Phật lại có hai lời đáp nên thành hai câu hỏi. Văn sau Đức Phật trả lời nghĩa Phật và Phật tánh và trả lời nghĩa tu đạo. Cho nên biết có hai câu hỏi.

Các sư Địa Luận cho rằng chúng sinh là Phật, có đủ vọng tưởng, nên chẳng cần tu đạo, chính là nên gạt hỏi câu này. Các sư Luận Thành Thật cho rằng quả Phật ở đương lai thì chẳng có câu gạt hỏi này, nhưng chẳng được nói “tức là Phật”; ở đây nên dùng nghĩa không khác nhau và khác nhau để trả lời: Vì không khác nhau nên nói tức là Phật, vì khác nhau nên không đầy đủ. Như cha có con thì họ của con chẳng khác với cha, mà Dụng chưa đầy đủ, nên cần phải trang nghiêm về sau mới đầy đủ. Nhưng ở đây chỉ nói về Phật tánh đâu liên quan gì đến đầy đủ hay

chẳng đầy đủ. Đầy đủ thì nhờ duyên mà đầy đủ, vậy lẽ ra Phật tánh cũng nhờ duyên mà đầy đủ mới phải.

Nếu nói Phật tánh ở đương lai, thì đây là y cứ theo quả tánh và quả quả tánh; nếu nói Phật tánh ở hiện tại thì đây là lấy theo nhân tánh và nhân nhân tánh; nếu nói Phật tánh chẳng phải ở đương lai và hiện tại, thì đây là lấy theo ý chánh nhân tánh; nếu mỗi pháp đều chấp là đúng, thì như người mù sờ voi. Còn như thấy được ý này thì không còn tranh luận là ở đương lai hay hiện tại.

Phật đáp có ba đoạn: 1/ Bác bỏ lại câu hỏi; 2/ Chánh đáp; 3/ Dẫn chứng. Thứ nhất như văn kinh có nói.

Chánh đáp có hai ý: 1/ Đáp trong không khác nhau cũng có khác nhau; 2/ Đáp câu “đâu cần tu đạo”. Lời đáp thứ nhất có ba ý: 1/ Chánh đáp; 2/ Dẫn kệ; 3/ Nêu sửa và lạc làm dụ, ý nói thể thì chẳng khác mà duyên thì khác. Văn thứ nhất có pháp, dụ.

Nói chưa đầy đủ tức là chỉ mới có ở lý, còn sử dụng thì chưa đủ, chứ chẳng phải cho rằng tất cả đều không mà nói chưa đủ.

Từ câu: “Thí như v.v...” trở xuống, là nêu dụ; có hai: Trước là dụ, sau là hợp. Dụ lại có hai: Trước là dụ ác, sau là dẫn điều lành. Dụ điều ác, như văn kính có ghi.

Chắc chắn phải đọa địa ngục như người giết mẹ sau sinh tâm hối hận. Hiện thời thân chưa đọa, mà chắc chắn phải đến đó không nghi ngờ gì. Chúng sinh cũng như thế, đã có lý Phật tánh, thì đương lai sẽ thành.

Kế là Phật dẫn rằng: Thực hành thiện lành gọi là thấy cõi trời, cõi người, thực hành mười ác thì gọi là thấy địa ngục, đó cũng là quả báo vị lai.

Từ câu: “Tất cả chúng sinh v.v...” là hợp dụ.

Tất cả chúng sinh chưa có tướng tốt, nhưng vị lai sẽ được, có người cho rằng sẽ được quả tướng tốt, có người cho rằng sẽ được quả Phật tánh; nhưng Phật tánh đâu có “sẽ được”, nếu có “sẽ được” thì thuộc ba đời, tức là vô thường, thế thì chẳng nên nói đương quả Phật tánh.

Thứ hai, là dẫn kệ để trả lời.

Lược giải thích ý nghĩa bài kệ, như văn trước đã nói. Bài kệ này được nêu lên bốn phen: Thứ nhất là để đáp về thường, vô thường, thứ hai là để trả lời về đắc, chẳng đắc, văn sau quyển hai mươi sáu được nêu ra để đáp về phá định tánh, còn ở đây là dùng để trả lời về có và không bất định, hiển bày Trung đạo. Nếu chỉ dùng có không để giải thích thì chẳng hợp với yếu chỉ bài kệ thường và vô thường, cũng nên

như thế. Trong đây nếu y theo kinh thì nên lập bốn câu: sai biệt vừa sai biệt, không sai biệt vừa không sai biệt, chẳng sai biệt chẳng phải không sai biệt, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng thể nghĩ bàn, để giải thích thì mới hợp yếu chỉ bài kệ. Các câu thường, vô thường v.v... cũng giống như thế. Nay văn xuôi giải thích “vốn có” rằng: “Ba đời đều vốn có”, theo văn này thì sinh tử và Niết-bàn, mỗi pháp đều là sẵn có, mỗi pháp đều có “nay không”. Nếu sinh tử sẵn có, thì Niết-bàn đã sẵn có, chẳng phải nay mới “có”. Niết-bàn xưa không tức đã thành Phật từ lâu, chẳng còn các phiền não. Sinh tử tuy xưa có nay không, xưa không nay có, nhưng đều gom về Hữu (có), dùng Niết-bàn so với sinh tử, thì sinh tử có sở đắc. Niết-bàn tuy xưa có nay không, xưa không nay có mà đều gom về vô (không), tức là so sinh tử với Niết-bàn thì Niết-bàn vô sở đắc. Tức xưa có là nay không, chẳng lìa có mà nói không; tức xưa không mà nay có, chẳng lìa không mà nói có. Ba câu đầu thuộc về ba đời khác nhau. Có của xưa có chẳng phải có, không của nay không, chẳng phải là không, chẳng phải có chẳng phải không, ba đời có pháp thì “thật chẳng có việc ấy”, một câu này là không khác nhau, chẳng thuộc về ba đời.

Lại y cứ theo gốc ngọn để nói lại bốn câu, tức là có hai câu thuộc gốc, hai câu thuộc ngọn, một gốc một ngọn, ngọn mà chẳng phải gốc, gốc mà chẳng phải ngọn, chẳng phải gốc, chẳng phải ngọn. Văn kinh ở trên ghi: “Ồ nhờ sinh một đứa con, chủ nhà bèn đuổi đi,” chủ nhà là cảnh, há chẳng phải sinh tử là gốc ư? Một đứa con là chánh quán, há chẳng phải Niết-bàn là ngọn ư? Văn kinh ghi: “Đại Bát-niết-bàn vốn tự có”, “Như Lai tạng hường về đó mà kiến lập”, há chẳng phải Niết-bàn là gốc ư? Mê lý khởi hoặc, há chẳng phải sinh tử là ngọn ư? Mỗi pháp đều có gốc thì mỗi pháp đều có ngọn. Vì nghĩa ấy nên có hai gốc hai ngọn.

Vả lại, sinh tử vô chung mà lấy khởi đầu của Niết-bàn làm chung của sinh tử, Niết-bàn thì vô thủ mà lấy chung của sinh tử làm thủ. Hai dòng đối nhau làm chung thủ cho nhau, đó là một ngọn một gốc. Vả lại, sinh tử dù gốc hay ngọn cũng đều gọi là ngọn, vì nó luống đối không có gốc, cho nên nói là ngọn. Còn Niết-bàn nếu gốc hay ngọn thì cũng được gọi là gốc, vì đó là chân thật chẳng hư giả, cho nên có gốc mà chẳng phải là ngọn. Gốc của ngọn chẳng phải gốc, ngọn của gốc chẳng phải ngọn, chẳng phải gốc, chẳng phải ngọn, chẳng thuộc ba đời.

Phân biệt bốn câu đã thành, thì so sánh với đủ chẳng đủ, đắc chẳng đắc, thường vô thường đều bất định, không thể nghĩ bàn, cũng giống như thế. Bốn câu bất định không thể nghĩ bàn tức ba Đế chẳng

chung chẳng riêng như trước đã nói.

Từ câu: “Thí như có người v.v...” trở xuống là đoạn ba, nêu thí dụ sửa lạc để làm chứng cho Đương hữu.

Đây là y cứ vào sáu tâm để nói về có Phật tánh, cả hai có gì khác nhau? Chúng sinh có lý Phật tánh, về sau này khi thành Phật thì chẳng lấy chúng sinh làm tâm Phật nữa, tâm Phật cũng như thế, chỉ nói có tâm là Phật tánh, chẳng nói tức tâm là Phật tánh.

Từ câu: “Rốt ráo v.v...” trở xuống là ý thứ hai, nói phải tu đạo, tức là chánh đáp câu: “Đâu cần tu tập” ở trước. Chúng sinh đều có Nhất thừa chánh tánh, phải tu sáu Độ để trang nghiêm, nếu chẳng tu thì chẳng được chánh tánh. Có thuyết nói Nhất thừa là muôn pháp lành, nhưng văn này lại nói Nhất thừa là Trung đạo chánh tánh. Nhất đạo thanh tịnh này có năng lực đưa chúng sinh đến quả Phật, vì thế gọi là Nhất thừa, đầu đồng với muôn điều lành.

Toàn văn có hai là nêu chương và giải thích.

Chương thứ nhất nêu hai cặp bốn pháp.

Kế là giải thích, đầu tiên dùng sáu độ để trang nghiêm, nhất thừa là rốt ráo, sau là giải thích thế gian và xuất thế gian.

Sáu độ và Nhất thừa đồng một thể, thuận theo nghĩa mà giải thích khác nhau. Trong đó có hợp với dụ thứ nhất. Quả báo sinh lên cõi trời Đao-lợi và Uất-đơn-việt tuy tốt đẹp hơn cõi người, nhưng chẳng thấy được Phật tánh. Đã bị vô minh che lấp, thì không thấy được nên cần phải tu tập.

Từ câu: “Nói Phật tánh v.v...” trở xuống là giải thích một cặp sau. Có hai: trước chỉ giải thích rốt ráo xuất thế gian, sau giải thích cả rốt ráo của thế gian và xuất thế gian. Thứ nhất lại có ba đoạn: 1/ Nêu Thế; 2/ Giải thích Danh; 3/ So sánh. Thứ nhất như văn kinh có ghi.

Thủ-lãng-nghiêm, Hán dịch là Kiên Cố, Hòa-xà-lê dịch là Tu Trì tâm. Tam-muội này có chung, có riêng; riêng thì chỉ có ở chung tâm, chung thì có ở khắp cho các địa.

Từ câu: “Như một môn” v.v... trở xuống là đoạn ba, nêu loại.

Giác gọi là Định giác, tức Định giác phần trong bảy giác; chánh gọi là chánh định, tức chánh định trong tám Chánh đạo. Lại nói giác gọi là Định giác, tức là Định giác trong tám điều giác ngộ của bậc đại nhân. Thủ-lãng-nghiêm cũng giống như thế, có năm tên gọi.

Từ câu: “Này thiện nam! v.v...” trở xuống là đoạn hai, giải thích thế gian rốt ráo và xuất thế gian rốt ráo, hạ trung là thế gian rốt ráo, định bậc thượng là xuất thế gian rốt ráo. Văn có hai: Trước giải thích ba

định, sau giải thích Định bậc thượng.

Đầu trên giải thích thượng định là Phật tánh, tức nói liễu nhân, hoặc nói chánh nhân. Trung định tức là định cõi Sắc. Hạ định tức là tâm sở định. Các sư Số Luận cho rằng mười tâm sở đồng thời khởi gọi là Đại địa, chung cho năm phẩm: Thiện, ác, vô ký, bất công, uế ố. Luận Thành Thật cho rằng: “Pháp khởi theo thứ lớp trước sau mười số, theo nghĩa mà nói là mười”, có chỗ cho rằng mười chỗ ở của cõi Dục là mười số, đó là ba đường, người và sáu cõi trời.

Từ câu: “Tất cả chúng sinh v.v...” trở xuống là giải thích lại về xuất thế tức là Thủ-lăng-nghiêm.

Thích luận gọi là Tam-muội Kiện tướng.

Từ câu: “Có một thời v.v...” trở xuống là đoạn ba, dẫn chứng cho lời đáp. Đây là nói Như Lai quán sát các căn cơ để có thể nói hay chẳng nói. Hoặc có lúc nói Phật và Phật tánh không khác nhau, hoặc có lúc nói khác nhau, hoặc nói tu đạo, hoặc nói chẳng tu. Ví như biết căn cơ của ngoại đạo nên nói Ngã, hay nên nói vô ngã.

Vấn có hai là: Dẫn việc xưa làm chứng cho nay, dẫn việc xưa lại có ba: 1/ Nói về tám giới; 2/ Ngoại đạo nói về nghĩa; 3/ Chúng đương thời được lợi ích.

“Phật tánh này, v.v...” trở xuống là làm chứng cho nay.

Chính là nêu: Phật tánh chẳng phải ngã mà nói là ngã, tức dạy chẳng nên có chấp nhất định.

Như Lai tự tại hoặc cho ngã là vô ngã, vô ngã là ngã. Hoặc giải thích Phật tánh ở nhân, nên nói vô ngã, ở quả thì nói có ngã.

Từ câu: “Bấy giờ, Bồ-tát Sư Tử v.v...” trở xuống là đoạn ba trả lời câu hỏi thứ tư, có hai: Trước hỏi, sau là đáp. Thứ nhất là hỏi, thêm vào câu Kim Cương lực sĩ.

Phần chánh đáp có hai ý là chánh đáp và kết luận khen ngợi. Phần chánh đáp có bảy dụ, gom vào ba ý: 1/ Ba dụ đầu tiên là dụ có mà chẳng thấy; 2/ Một dụ kế là dụ cho nghĩa bình đẳng đều có; 3/ Hai dụ sau là dụ cho việc đợi đủ duyên mới thấy. Ba ý theo thứ lớp mà phát sinh. Nghĩa là tuy nói có mà chẳng thấy, vì chưa biết chắc chắn là có, nên chẳng thấy; chưa biết chắc chắn là không nên cũng chẳng thấy, kế một dụ là dụ cho nghĩa chắc chắn có, đã chắc chắn có, thì sao lại chẳng thấy, kế là đáp rằng đợi nhân duyên mới thấy.

Ba dụ đầu đều xếp trước dụ, sau hợp. Đầu tiên là dụ người mù.

Dụ hàng phàm phu thấp nhất như người mù chẳng thấy; sắc dụ cho Phật tánh. Các sư Số luận giải thích sắc có hai mươi loại: xanh,

vàng, đỏ, trắng, cao, thấp, nghiêng, thẳng, vuông, tròn, dài, ngắn, ánh sáng, hình ảnh, sáng, tối, mây, khói, bụi, mù; có chỗ thêm hư không là không nhất hiển sắc.

Từ câu: “Như mắt bị nhắm, v.v...” trở xuống là ý thứ hai, dùng mắt bệnh dụ cho Bồ-tát.

Như mắt hơi bị nhắm thì chẳng thấy được sắc, dụ cho các Bồ-tát có phiền não nên chẳng thấy Phật tánh, chẳng đồng với dụ người mù ở trước.

Trong phần hợp dụ trước nêu Bồ-tát Thập trụ, sau nêu bốn hạng người là phàm, phu, Nhị thừa, Bồ-tát Thập trụ và Như Lai. Như Lai thấy toàn thể, Bồ-tát thấy chút phần, còn hai người kia hoàn toàn chẳng thấy.

Từ câu: “Thí như mặt trăng v.v...” trở xuống là dụ thứ ba.

Cũng dụ cho các chúng sinh chưa dứt hoặc thì chẳng thấy, dứt hoặc rồi thì thấy. Như trăng đêm mờ một thì chẳng thấy, nhưng dần dần sẽ thấy. Phật tánh cũng giống như thế, vốn đã có lý này, chúng sinh bị phiền não che lấp nên chẳng thấy, nếu hoặc chướng dần dần dứt trừ thì dần dần thấy được Phật tánh.

Văn nói: Đại bi, mười Lực v.v... tất cả chúng sinh đều có, xưa cho rằng sẽ có, tức nay việc chưa có, dẫn văn sau rằng: “Phá Nhất-xiển-đề sau đó mới được.” Các sư Địa Luận giải rằng: “Chân thân Phật tánh giống như tượng vàng bọc trong vải xấu; đại từ, đại bi, mười lực, tướng tốt và vẻ đẹp phụ đều có đầy đủ, nhưng bị các hoặc che lấp, dứt phiền não thì sẽ thấy được; cũng như lột bỏ vải xấu thì được tượng vàng ròng”.

Các sư Trung Quán cho rằng: Hai cách giải trên mâu thuẫn với kinh. Nếu nói sẽ có thì kinh nói rằng: “Đại bi, mười lực, bốn vô úy chúng sinh đều có”, như thế đâu được cho là sẽ có? Còn nói hiện có như vàng bị hoặc che lấp, vậy Phật tánh mạnh mẽ sao chẳng phá được? Nếu chấp vị lai hoặc hiện tại thì tạo thành sự tranh luận. Vì đã đầy đủ lý này thì chẳng thể nói là vị lai mới được; vì tu đạo mới được, nên chẳng thể nói là hiện tại đã có. Ba cách giải thích trên đều thuộc chấp nghiêng về một bên, chưa hợp với ý Viên, vì sao? Vì Phật tánh chẳng phải là một, hai, ba, mà vì chúng sinh nên lập ra bốn môn khác nhau, hoặc nói Đệ nhất nghĩa không, như thành Ca-tỳ-la không, hoặc nói chẳng không như dụ người có trí tuệ, cô gái nghèo có kho báu, hay hạt châu trên trán; hoặc nói vừa có vừa không như dụ bình rượu và nước; hoặc nói chẳng phải có chẳng phải không gọi là Trung đạo, muốn cho người do bốn mà

ngộ được chẳng bốn, xả chấp bốn để cầu sự thông đạt. Các sư Thành Thật nói Đương hữu tức là chấp không, các sư Địa luận nói bị hoặc che lấp tức là chấp có, còn lời giải thích của các Sư Trung Quán là chấp vừa có vừa không. Còn ở đây là giải thích Phật tánh như vua thấy voi, còn chỗ thấy của các Sư như người mù sờ voi.

Trong phần hợp dụ cuối cùng có nói: “Ba loại phá phiền não”, các sư xưa có hai cách giải thích:

1/ Cho rằng phiền não kiến tư của hai cõi là hai, hoặc là phiền não của cõi uế ở giới nội, tập khí là phiền não của tịnh độ trung gian hai cõi, vô minh là phiền não của giới ngoại. Bồ-tát Thất địa dứt trừ phiền não trung gian giữa hai nước, Trang Nghiêm theo thuyết này.

2/ Cho rằng Kiến đế là một phiền não, tư duy là hai phiền não, tập khí là ba phiền não. Phần số của nguyên phẩm vô minh đồng với tập khí cho nên chẳng kể riêng. Từ Sơ địa đến Tam địa thì dứt trừ Kiến đế, Bồ-tát Tứ địa đến Lục địa thì dứt tư duy, Bồ-tát Thất địa, Bát địa thì gồm dứt tập khí vô minh. Đây là thuyết của Khai Thiện.

Có một Sư gạn hỏi hai cách giải thích này rằng: Văn kinh có nói: “Ba thứ phá phiền não”, chẳng nêu ra ý phá phiền não; nếu chỉ nêu tên của ba loại thì trái với văn kinh, còn nói về ý phá thì phải như Thích luận nêu ba quán trị ba bệnh, như kinh Anh Lạc Bản Nghiệp nói từ giả vào Không gọi là quán hai đế, từ Không vào Giả là quán bình đẳng, dùng hai quán này làm phương tiện để nhập Trung đạo đó là Đệ nhất nghĩa đế quán. Dùng ba quán này để phá phiền não, lại Thế đế thì phá tánh bệnh, Chân đế thì phá giả bệnh, hai đế này chỉ nói phục là đoạn, nếu chẳng phải Chân, chẳng phải Hữu tức Trung đạo quán, dứt hết hai bệnh tánh và giả thì gọi là dứt phiền não.

Nay cho rằng các nghĩa trên chẳng đúng. Hai cách giải thích trước trái với kinh, các Sư Trung Quán phá nghĩa trái kinh kia. Các nghĩa trên đều cạn hẹp, nay gạn hỏi rằng:

Như nói phá ba thứ phiền não rồi thì thấy Phật tánh, tức phá phiền não Kiến, Tư ở cõi uế, phá phiền não ở định độ trung gian thì thấy tánh hay chẳng thấy tánh? Nếu nói thấy tánh thì Nhị thừa cũng phá Kiến, Tư, vì sao chẳng thấy? Nếu nói chẳng thấy tánh thì trái với kinh. Khai Thiện nói phá kiến đế là một, phá tư duy là hai, người Tu-đà-hoàn cho đến La-hán đều phá Kiến, Tư, sao không thấy tánh? Nếu nói là thấy thì chẳng đúng, nếu nói chẳng thấy thì trái với kinh. Hơn nữa, Nhị đế quán, bình đẳng quán đều là phương tiện, không nhập Trung đạo, cũng không thấy tánh, lại trái với kinh. Thế đế phá tánh, Chân đế phá giả, là phục

chứ chưa phải dứt, lại chẳng thấy tánh, việc này cũng trái với kinh, chỉ có chẳng phải Chân, Tục dứt phiền não mới là thấy tánh. Tuy nêu tên ba thứ phá phiền não mà hai thứ phá thì chưa thấy tánh, chỉ có một loại phá là thấy tánh. Nhưng kinh thì nói ba thứ phá đều thấy Phật tánh, nếu một loại phá được thấy, hai loại phá chẳng thấy thì đâu tương ứng?

Nay nói Thất địa tu phương tiện nhập Bát địa, được đạo và quán song song, phá bỏ vô minh, thấy Phật tánh, đây là căn cơ Biệt tiếp Thông, là một loại phá phiền não được thấy Phật tánh. Nếu nhập Lý Bát-nhã thì gọi là Trụ; phá bốn trụ hoặc, sinh ra công đức, thì gọi là Thập hạnh; phá trần sa hoặc chưa thấy Phật tánh, đến Thập Hồi hưởng hàng phục vô minh, nhập vào Sơ địa mới phá vô minh thấy Phật tánh, đây là thứ lớp phá hoặc của Biệt giáo, lại là một thứ phá phiền não thấy Phật tánh. Nếu Viên quán Pháp giới thì phiền não tức Bồ-đề, khi mới phát tâm liền thành Chánh giác vào Đồng luân vị, khi vào Sơ trụ thì phá vô minh thấy Phật tánh. Như thế thì nghĩa của ba thứ phá hoặc rõ ràng đều thấy Phật tánh, hợp với văn kinh, mà các Sư đâu biết. Vả lại, một Không tất cả đều Không thì ba quán đều Không, pháp quán này phá năm trụ hoặc, thấy Phật tánh; lại một Giả tất cả đều Giả, thì ba Đế đều giả, pháp quán này phá năm trụ hoặc, thấy được Phật tánh, lại một Trung tất cả Trung thì ba Đế đều trung. Pháp quán này cũng phá năm trụ hoặc, thấy Phật tánh. Ba thứ này, về số lượng và nghĩa đều hợp với kinh mà các Sư cũng chưa biết. Ba loại phá hoặc trước là ý Biệt giáo, ba loại phá hoặc sau là ý Viên giáo.

Từ câu: “Này thiện nam! Mười hai nhân duyên v.v...” trở xuống là ý thứ hai, có một thí dụ, thí dụ bình đẳng đều có. Trước nêu dụ, sau là hợp. Dụ ở trên là y cứ theo duyên ngoài, dụ này y cứ theo duyên trong. Gồm có bốn đoạn: 1/ Nói đều có; 2/ Nêu Thể của nhân duyên; 3/ Nói về đủ và chẳng đủ; 4/ Kết luận là đều có.

Đầu tiên, là nói bình đẳng đều có, lại nói cũng có trong ngoài. Đây chỉ là nói ở nơi người, chẳng phải gồm cả vật ngoài, nghĩa là tâm thì bên trong (nội), sắc thì bên ngoài (ngoại), đầy đủ sắc tâm nên nói là trong ngoài. Lại trong thai là trong, ra khỏi thai là ngoài.

Nay nói thêm rằng: Trong văn kinh, tự đã nói trong ngoài tham cầu và vì các việc trong ngoài, nhưng văn chẳng cho lấy mười hai nhân duyên làm cảnh quán, chỉ lấy mười hai nhân duyên làm Phật tánh. Ví như có sự phân biệt nói riêng từng chi của mười hai nhân duyên, là vì giúp cho chúng sinh biết được tương luân hồi của ba đời, đâu thể cho rằng khi vô minh chỉ có vô minh? Cho nên biết cho đến già chết cũng

có mười hai chi. Vì vậy văn sau hợp rằng: Phật tánh cũng như thế, đâu thể nói khi ở chúng sinh chỉ là chúng sinh? Huống chi mỗi chúng sinh, niệm niệm đầy đủ, nhân duyên y chánh trong mười cõi; trăm cõi, trong mỗi cõi đều có Phật tánh. Bởi thế, lời trong ngoài chứa đựng rất nhiều nghĩa.

Từ câu: “mười hai chi là gì? v.v...” trở xuống là nêu mười hai thể, giải thích đủ mười hai chi.

Ở quá khứ có đủ nhân và quả, vì sao chỉ dùng hai nhân mà chẳng lấy quả? Vì quả ở quá khứ đã thù đáp nhân trước, cho nên chẳng lấy. Thế thì hai nhân sinh ra năm quả nay, lại dùng ba nhân nay để sinh hai quả mai sau. Về chi Thức thì có hai cách giải: 1/ Cho rằng lúc mới thọ thai bảy ngày là thức; bấy giờ có sắc nhưng chưa hiển hiện mà nghĩa thức đã hiển, nên lấy tên là Thức; 2/ Cho rằng chỉ y cứ theo một niệm đầu tiên giá thai, tuy cũng đã có sắc, nhưng sắc chưa đủ, cho nên lấy tên Thức vì Thức là chủ của báo, cho đến niệm thứ hai thì thuộc chi sắc, cách giải thích này có vài điểm hay hơn trước.

Nói năm phần nhập thai là giải thích chi thứ tư Danh sắc, tức là ba bào: hai tay, hai chân và đầu; bốn căn chưa đủ tức chỉ nói thân và ý, chưa có mắt, tai, mũi, lưỡi. Nói danh sắc, có hai cách giải thích: Một, là cho rằng sắc ấm là sắc, bốn ấm còn lại là Danh. Hai, là cho rằng chỉ có sắc này mà đặt tên chúng sinh nên gọi là Danh sắc.

Nói đầy đủ bốn căn tức giải thích chi thứ năm, là sáu nhập. Đã đủ bốn căn thì sáu căn đều đủ nên nói là sáu nhập. Từ đây về sau có các tướng thô tế sinh ra. Tế tướng sinh tức là thức tâm trong thai chưa có thọ tướng; tướng thô sinh, tức khi mới ra thai chưa có thọ tướng; tướng thô sinh, tức là khi mới ra thai chưa biết cầm lửa, chạm chất độc, như đứa bé mới sinh được hai tháng.

Từ câu: “Chưa biết khổ vui v.v...” trở xuống giải thích chi thứ sáu là xúc, nếu tướng vi tế sinh là tâm tướng trong thai chưa biết khổ vui, nếu tướng thô sinh thì là đứa bé hai tuổi, biết bốc lửa, chạm chất độc, mà chưa biết gì, trong tay có vật nhưng chưa phân biệt được tốt xấu.

Nói “Quen nhiệm một ái” tức nói về chi thứ bảy là Thọ, sau năm Quả. Nếu tướng nhỏ nhiệm sinh tức là tâm thọ trong thai; nói một ái nghĩa là sinh ý tướng chấp trước một duyên lạc; nếu tướng thô sinh là đứa trẻ ba, bốn tuổi chỉ biết thích ăn, chưa biết năm dục.

Nói: “quen gồm năm dục”, tức chi thứ tám là ái, nhân đầu tiên trong ba nhân; nếu tướng nhỏ nhiệm sinh khởi tức là hành tâm đầu tiên trong thai; hành tâm có ba: Đầu tiên gọi là ái, giữa gọi là Thủ, sau cùng

gọi là Hữu; nếu tướng thô khởi, là đứa trẻ tám, chín tuổi biết một ít Dục ái.

Nói: “Trong ngoài tham cầu” tức là chi thứ chín thuộc về Thủ tức đứa trẻ hơi lớn, trên mười tuổi, dần dần chuyển tăng trong hành vi tham cầu.

Nói: “Vì các việc trong ngoài v.v...” tức nói chi thứ mười, tức trên mười tuổi, thân cao lớn cho đến một trăm tuổi.

Nói: “Thức hiện tại v.v...” tức chi mười một, là quả đầu tiên của hai quả vị lai; lại đồng với thời gian của chi thức hiện tại, tức là một niệm đầu tiên giá thai.

Nói: “Danh sắc ở hiện tại v.v...” là chi mười hai, lại đồng với thời gian của Danh sắc v.v... hiện tại, tức là chi già chết ở vị lai. Thức, danh sắc, sáu nhập đều là hai quả ở vị lai, hai quả vị lai lại là thức, Danh sắc, sáu nhập ở hiện tại, chỉ chuyển tên mà gọi như thế.

Thứ ba là nói về đủ và chẳng đủ.

Y cứ vào cõi Sắc nói không có ba thọ, có hai cách giải thích: 1/ Cho rằng trong ba thọ chẳng có thọ khổ, nên nói là không, cũng không có ý tưởng về thọ khổ nên không có ba xúc, cũng không có hành thọ khổ nên nói là không có ba ái. Như cõi Sắc và cõi Vô sắc đều không có mười hai nhân duyên, vì sao kinh nói: “Cũng được gọi là đủ mười hai nhân duyên?” Như mới Ca-la-la mà đã chết và các chúng sinh ở cõi Sắc và Vô Sắc, tuy không đủ mười hai nhân duyên nhưng bánh xe khổ chưa dừng, còn qua lại ba cõi, nên cuối cùng sẽ đủ mười hai chi. 2/ Cho rằng theo Đệ Tứ thiền cho đến cõi Vô sắc không còn khổ vui, cũng không còn xả trung dung, cho nên nói không có ba thọ. Cõi Vô sắc đã vô sắc thì chẳng đủ mười hai nhân duyên.

Từ câu: “Vì nhất định v.v....” trở xuống là ý thứ tư, tổng kết, đều đủ mười hai nhân duyên.

Đã chưa dứt vòng khổ, trước sau hưởng về nhau mãi nên nói đều đủ.

Từ câu: “Phật tánh cũng như thế v.v...” trở xuống là đoạn hai, hợp dụ.

Sáu đường, bốn loài sinh đều có mười hai, dụ cho tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Từ câu: “Ở núi Tuyết v.v..” trở xuống là đoạn ba, gồm ba dụ nói về việc đời duyên mới thấy. Có ba ý: Thứ nhất là dụ và hợp.

Phần hợp dụ có hai: Trước là hợp dụ, sau là nói về lý.

Nói về lý lại có ba: Đầu tiên nói về chín môn.

Mỗi môn đều có ba câu, hợp thành hai mươi bảy câu.

Thứ hai là giải thích.

Phần giải thích có thêm vào ba việc, tổng cộng ba mươi sáu câu.

Hai câu sau là đoạn ba, tổng kết.

Thứ hai là nêu dụ khối sắc đen.

Thứ ba, là nêu dụ hạt giống.

Hai dụ trước đều là trước dụ sau hợp, dụ sau này không có lời hợp, như văn kinh đã nói.

Từ câu: “Đại Niết-bàn v.v...” trở xuống, là đoạn hai, kết luận khen ngợi, như văn kinh có ghi.

Từ câu: “Bấy giờ v.v...” trở xuống là đáp câu hỏi thứ năm. Trước là nêu lại hai câu hỏi trên, sau là nêu hai câu đáp để trả lời hai câu hỏi trước.

Lời đáp có hai: Trước nêu mười chương, sau là giải thích.

Tám môn đầu là tám điều giác ngộ của bậc Đại nhân, thuộc về tự hành, hai môn sau thuộc về hóa tha. Bát Đại-nhân-giác là danh giáo của Tiểu Thừa, vì sao Bồ-tát lại tu hành? Một, cho rằng pháp môn bát định ở Đại thì thuộc về Đại; hai, cho rằng Bát Đại Nhân-giác là tự hành tức thuộc về Tiểu thừa, nhưng cũng có hóa tha, cho nên được gọi là Đại.

Nay cho rằng dùng tâm Đại Niết-bàn tu tập, cho nên khác với Tiểu-thừa.

Từ câu: “Sư tử hống v.v...” trở xuống là đoạn hai, giải thích mười pháp, gồm có năm phen, phen thứ nhất có hỏi và đáp.

Lời đáp thì giải thích chung ít muốn và biết đủ làm một câu, vì ý nghĩa liên quan nhau. Còn các môn khác thì giải thích riêng.

Thứ nhất giải thích ít muốn biết đủ gồm mấy phen giải thích. Thứ nhất là y cứ theo thiện ác.

Từ câu: “Có khi v.v...” trở xuống là y cứ theo Đại Tiểu để cùng giải thích.

Văn trên có bốn câu: Câu thứ nhất nói ít muốn là Tu-đà-hoàn. Trước nói ít muốn biết đủ là Thiện, nay giải thích chẳng ít muốn là thiện, kinh Pháp Hoa nói: “Được chút ít mà cho là đủ”, tức là chấp giữ Tiểu pháp mà cho là đủ. Nay giải thích ít muốn là Tu-đà-hoàn, biết đủ là hàng Trung thừa, đều là chấp giữ, chưa phải là cùng tột ít muốn biết đủ, cho nên biết bốn quả là cao nhất. Đối với Bồ-tát thì chẳng ít muốn, chẳng biết đủ; vì Bồ-tát, trên thì cầu quả Phật vô cùng nên chẳng có ít muốn, dưới hóa độ chúng sinh cũng vô cùng, nên cũng chẳng biết đủ.

Thứ tám là giải thích Giải thoát tức Niết-bàn vô thượng, có ba cách giải thích: 1/ Linh Vị cho dịch đúng của từ Niết-bàn là Giải thoát; nhưng ở đây nói Niết-bàn khác với Giải thoát; 2/ Khai Thiện cho rằng Niết-bàn dịch là diệt độ, Giải thoát tức vô lụy; 3/ Các Sư Trung Quán cho rằng Niết-bàn và Giải thoát đồng là Đoạn đức, nhờ dứt phiền não nên được Giải thoát, vì Giải thoát nên được Đại Niết-bàn, cả hai chẳng khác.

Nói bốn con sông dữ, tức là ba lậu ở trước; Nương sông kiến bạo; vì nói chung kiến hoặc của ba cõi, nên gọi là sông kiến bạo.

Từ câu: “Người xuất gia v.v...” trở xuống là phen thứ hai y cứ theo người xuất gia mà giải thích mười pháp, nhưng chỉ có tám đoạn. Đầu tiên ít muốn và biết đủ hợp thành một, sau chỉ giải thích Giải thoát mà chẳng nói về Niết-bàn, vì đã lược ghi.

Bốn tinh tấn tức là bốn Chánh cần.

Từ câu: “Bồ-tát v.v...” trở xuống là phen thứ ba, y cứ Bồ-tát để giải thích mười pháp nhưng chỉ có chín pháp, vì Bồ-tát dùng tâm Niết-bàn để tu tập nên không nói về Niết-bàn.

Nói thuận theo hạnh trời, tức chánh định; có người cho rằng vì hạnh Trời lấy định làm thể; nay xin tạm nêu một vài câu hỏi: Nếu Chánh định thuận theo hạnh Trời thì hạnh Trời lấy định làm thể; vậy Ứng thân thuận theo chúng sinh, thì lẽ ra chúng sinh lấy Ứng thân làm Thể? Nay nói rằng hạnh Trời là lý, lấy lý làm gốc, nên nói là chánh định.

Từ câu: “Này Thiện nam! v.v...” trở xuống là phen thứ tư giải thích mười pháp.

Tám Giải thoát là chánh định, các sư Số Luận cho rằng: Tám Giải thoát lấy định làm Thể. Các sư Thành Thật cho rằng tám Giải thoát lấy tuệ làm thể. Nay cho rằng tất cả đều chẳng đúng.

Từ câu: “Này Thiện nam! v.v...” trở xuống là phen thứ năm, chỉ giải thích chín pháp.

Năm niềm vui, Hà Tây cho là niềm vui về nhân, niềm vui về Thọ, niềm vui về đoạn, niềm vui xa lìa và niềm vui Bồ-đề. Vui về nhân, tức là nhờ các duyên bên trong, bên ngoài mà được niềm vui. Về thọ, tức là do duyên bên trong, bên ngoài mà thân thêm lớn, tâm được an ổn. Tu tập đạo lý, dứt trừ các thọ, làm cho đạo được thêm lớn, gọi là niềm vui dứt các thọ, xa lìa hẳn phiền não, thân tâm không còn họa hoạn, gọi là niềm vui xa lìa. Vì thường lạc nên gọi là Bồ-đề lạc. Năm niềm vui này từ cạn đến sâu có ghi trong kinh Bồ-tát Địa.

Từ câu: “Này người Thiện nam! v.v...” trở xuống là trả lời câu hỏi thứ sáu. Trước nêu câu hỏi, sau là trả lời:

Lời đáp có hai: là đáp và khuyên, đáp có hai đoạn: Trước nói về thấy rõ và chẳng rõ, sau là nói về nhãn kiến và văn kiến.

Nói về thấy rõ và chẳng thấy rõ, đã nêu lên năm phen, cuối cùng giải thích Nhất thiết giác, nhất tâm ba trì chiếu soi một đế, ba Đế, gọi là Nhất thiết giác. Bồ-tát Thập trụ cũng có giác này, nhưng so với Phật thì còn mờ tối, nên chẳng thấy được rõ ràng. Hàng Thập trụ trước Thập địa thì hoàn toàn chẳng thấy tánh, nên chẳng nói rõ hay chẳng rõ.

Phần nói về nhãn kiến và văn kiến có nêu lên hai phen: Đầu tiên nói Thập trụ là văn kiến, Phật địa là nhãn kiến, kế đó lại nói Cửu địa trở xuống là văn kiến, Thập trụ là nhãn kiến. Ở đây nêu lập bốn câu: Trụ thứ mười cũng có nhãn kiến, Cửu địa về trước chỉ có văn kiến, Phật địa chỉ có nhãn kiến. Trong văn kinh có nêu ba câu này, nếu chúng sinh nghe mà chẳng tin thì chẳng gọi là văn kiến, v.v...

Nếu Thập trụ khác Thập địa, thì chẳng những Sơ trụ không thấy mà Thập trụ cũng chẳng thấy, đây là giai vị Biệt giáo. Nếu Thập trụ đồng với Thập địa, thì Thập trụ thấy, Sơ trụ cũng thấy. Nay văn kinh nói là Trụ lại nói là Địa, nên biết ở đây Trụ và Địa chẳng khác nhau. Đây là giai vị của Viên giáo, mà phân biệt Cửu địa là văn kiến, vì giai vị này thấy Phật tánh chưa rõ ràng, nên hạ xuống định là văn, Trụ thứ mười cao quý hơn nên thêm vào nói là Nhãn kiến. Vì đây là vị Viên giáo mới giải thích như thế, các vị khác thì chẳng được.

